xuě sōng

雪松

noun · cedar (tree)

Example Sentences

yuàn zi lǐ yǒu yì kē xuě sōng
院 子里有一棵雪 松 。

There is a cedar tree in the yard.

xuě sōng de yè zi sì jì cháng qīng
雪 松 的叶子四季 常 青 。

Cedar leaves stay green all year round.

dà xuě guò hòu xuě sōng de zhī tiáo shàng jī mǎn le bái xuě
大雪 过 后， 雪 松 的枝条 上 积满了白雪。

After the heavy snow, the cedar branches were covered with white snow.

Trace each character, then write the word on your own.

雪 雪 雪 雪 雪 雪 雪 雪 雪 雪 雪
雪 雪 雪

松 松 松 松 松 松 松 松 松 松 松